



SỐNG KHỎE HƠN, LÂU HƠN,  
HẠNH PHÚC HƠN

[aia.com.vn](http://aia.com.vn) | 028 3812 2777

Tài liệu này nhằm mục đích giới thiệu về sản phẩm bảo hiểm nhân thọ của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ AIA (Việt Nam), đang được phân phối qua hệ thống Chi nhánh, Phòng giao dịch của Ngân Hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam ("Ngân hàng"). Khách hàng không bắt buộc phải mua sản phẩm bảo hiểm nhân thọ khi tham gia các sản phẩm, dịch vụ tài chính của Ngân hàng

Tài liệu này chỉ tóm tắt quyền lợi sản phẩm và không phải là hợp đồng bảo hiểm. Các quy định, điều kiện và quyền lợi bảo hiểm của sản phẩm sẽ được thực hiện theo Quy tắc và Điều khoản sản phẩm Bảo hiểm Sức Khỏe Trọn Đời.



BẢO HIỂM  
SỨC KHỎE

trọn  
đời

ĐỒNG HÀNH XUYỀN SUỐT  
TRỌN ĐỜI AN TÂM



# Đồng hành xuyên suốt Trọn đời an tâm

Bảo vệ không dừng lại chỉ ở một khoảnh khắc. Đó là hành trình đồng hành xuyên suốt, nơi sự an tâm được vun đắp qua từng giai đoạn cuộc sống. Tại mỗi giai đoạn quan trọng, chúng ta sẽ có những nhu cầu, ưu tiên và kế hoạch khác nhau.

Với AIA Việt Nam, dù tại giai đoạn nào trong cuộc sống, bạn sẽ luôn nhận được SỰ HỖ TRỢ KHÔNG NGỪNG NGHỈ, BẢO VỆ KHÔNG GIÁN ĐOẠN giữa cuộc đời ẩn chứa vô vàn đổi thay.

**BẢO HIỂM SỨC KHỎE TRỌN ĐỜI** là lời cam kết mạnh mẽ, biểu tượng đặc trưng của “CHIẾC DÙ BẢO VỆ” – nơi sức khỏe của từng thành viên trong gia đình được che chở trên hành trình hướng đến cuộc sống Khỏe hơn, Lâu hơn, Hạnh phúc hơn.



# Tại sao cần sự bảo vệ trọn đời?

Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình (Bộ Y tế), dự báo số người cao tuổi của Việt Nam tăng thêm

**16,8 triệu người** trước năm 2040.

**74,7 tuổi<sup>1</sup>**

Tuổi thọ trung bình năm 2024

**2,3 lần<sup>2</sup>**

Số lần điều trị nội trú trung bình của người cao tuổi trong 1 năm

**3-4 bệnh mãn tính<sup>2</sup>**

Trung bình một người cao tuổi mắc phải

**8-10 lần<sup>2</sup>**

Chi phí điều trị mỗi năm dành cho người cao tuổi so với người trẻ



(1) Cục Thống kê, Bộ Tài Chính (2025)



(2) Cổng thông tin điện tử Bộ Y Tế (2023)

# Tại sao cần sự bảo vệ toàn diện?

Tỷ lệ gia tăng của chi phí y tế hàng năm **gấp 1,6 lần**

so với tỷ lệ lạm phát của Việt Nam<sup>3</sup>

Một số chi phí y tế phổ biến:

**Phòng và Giường bệnh**

~180.000 – 4 triệu đồng/ ngày



**Điều trị ung thư**

~ 176 triệu đồng/ năm



**Phẫu thuật nội soi robot**

~ 100 triệu đồng/ lần



**Ghép tạng**

~ 1 tỷ đồng/ lần



(3) AON, Global Medical Trend rate (2025)

# BẠN CÓ ĐANG TÌM KIẾM MỘT KẾ HOẠCH CHĂM SÓC SỨC KHỎE QUA MỌI GIAI ĐOẠN CUỘC ĐỜI?

AIA Vitality

## Dự đoán

- Tầm soát sức khỏe chưa phải là thói quen của mỗi cá nhân
- Các bệnh hiểm nghèo thường phát hiện ở giai đoạn muộn
- Chưa được tiếp cận công nghệ phù hợp



AIA Vitality

- Chưa tìm thấy động lực rèn luyện sức khỏe
- Chưa có nhiều thông tin sức khỏe đáng tin cậy

## Phòng ngừa



BẢO HIỂM SỨC KHỎE  
TRỌN ĐỜI

SONG HÀNH Y TẾ

HỘ CHIẾU SỨC KHỎE

## Chẩn đoán



- Cần nhiều thời gian thăm khám và xác thực kết quả chẩn đoán
- Mơ hồ do thiếu thông tin rõ ràng về tình trạng bệnh



BẢO HIỂM SỨC KHỎE  
TRỌN ĐỜI

SONG HÀNH Y TẾ

HỘ CHIẾU SỨC KHỎE

## Điều trị



- Chi phí khám và chữa bệnh bị ảnh hưởng do nhu cầu khám, chữa bệnh tăng
- Các loại thuốc chữa bệnh đặc trị khó tiếp cận
- Chi phí bảo hiểm y tế còn hạn chế



- Không có dịch vụ theo dõi hiệu quả điều trị và chăm sóc sức khỏe sau khi xuất viện



## Phục hồi

SONG HÀNH Y TẾ

**AIA VIỆT NAM**  
**BẢO VỆ XUYỀN SUỐT TRƯỚC**  
**CÁC “BIẾN SỐ” TRONG CUỘC SỐNG**

## An tâm trọn đời

Bảo vệ từ  
**30 ngày tuổi đến 100 tuổi**

**x2 hạn mức**  
khi điều trị tại bệnh viện công\*  
Không giới hạn phụ  
cho mỗi đợt điều trị

Chi trả đến  
**5,5 triệu/ ngày**  
cho phòng và giường bệnh

Hỗ trợ đến  
**600 nghìn/ ngày**  
cho chi phí nằm viện\*\*

(\*) Điều kiện và điều khoản áp dụng  
(\*\*) Khi sử dụng Bảo hiểm y tế.

## Đồng hành sống khỏe

Thưởng đến **60% trung bình phí bảo hiểm**  
đã đóng trong 3 năm hợp đồng trước đó khi  
**Sống khỏe cùng AIA Vitality\*\*\***

Hưởng dịch vụ  
**Song hành y tế**  
dịch vụ tư vấn và quản trị  
bệnh án cá nhân

**Quyền lợi thai sản**  
toàn diện

## Quyền lợi bổ sung

Quyền lợi  
**điều trị ngoại trú**

Quyền lợi  
**chăm sóc nha khoa**

(\*\*\*) Điều kiện và điều khoản áp dụng  
Đơn vị tính: Đồng

QUYỀN LỢI SẢN PHẨM

An tâm trọn đời

|                                                                                                                                                                                          | CƠ BẢN                                                                                                                                                                                                                                                      | NÂNG CAO                 | TOÀN DIỆN                | HOÀN HẢO                   |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|----------------------------|
| STBH/ năm hợp đồng                                                                                                                                                                       | 150.000.000                                                                                                                                                                                                                                                 | 350.000.000              | 700.000.000              | 1.200.000.000              |
| Nhân đôi bảo vệ tại bệnh viện công<br>Áp dụng khi đã chi trả hết STBH của<br>chương trình bảo hiểm trong năm<br>(không áp dụng cho Quyền lợi thai<br>sản và Quyền lợi Điều trị giảm nhẹ) | Cộng thêm<br>150.000.000                                                                                                                                                                                                                                    | Cộng thêm<br>350.000.000 | Cộng thêm<br>700.000.000 | Cộng thêm<br>1.200.000.000 |
| Phạm vi địa lý                                                                                                                                                                           | Việt Nam hoặc Toàn Cầu (trừ Hoa Kỳ)                                                                                                                                                                                                                         |                          |                          |                            |
| Đối với NĐBH từ 30 ngày tuổi<br>đến 4 tuổi                                                                                                                                               | AIA Việt Nam chi trả 80% chi phí y tế khi NĐBH điều trị tại<br>các Cơ sở y tế tư nhân tại Việt Nam.                                                                                                                                                         |                          |                          |                            |
| Đối với NĐBH từ 75 tuổi trở lên                                                                                                                                                          | AIA Việt Nam chi trả 80% Chi phí y tế.<br>Trong trường hợp số tiền Khách hàng đồng chi trả trong<br>Năm hợp đồng vượt qua mức quy định bên dưới, Công ty sẽ<br>chi trả 100% Chi phí y tế đối với các điều trị từ thời điểm đó<br>đến Ngày kỷ niệm hợp đồng. |                          |                          |                            |
|                                                                                                                                                                                          | 15.000.000                                                                                                                                                                                                                                                  | 30.000.000               | 60.000.000               | 80.000.000                 |

> QUYỀN LỢI ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ

|                                                                                                                                                       |                     |                   |           |           |           |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-------------------|-----------|-----------|-----------|
| Phòng, giường bệnh<br>(tối đa 100 ngày/ năm)                                                                                                          | Mỗi ngày            | 850.000           | 2.000.000 | 3.000.000 | 5.500.000 |
| Phòng Chăm sóc đặc biệt (ICU)<br>(tối đa 30 ngày/ năm)                                                                                                | Mỗi ngày            | Theo chi phí y tế |           |           |           |
| Giường dành cho người thân<br>(tối đa 30 ngày/năm).<br>Chỉ áp dụng cho 1 người thân lưu lại<br>cùng NĐBH dưới 18 tuổi hoặc NĐBH<br>từ 60 tuổi trở lên | Mỗi ngày            | 150.000           | 250.000   | 500.000   | 1.000.000 |
| Hỗ trợ chi phí nằm viện khi<br>sử dụng bảo hiểm y tế<br>(tối đa 30 ngày/năm).                                                                         | Mỗi ngày            | 150.000           | 250.000   | 400.000   | 600.000   |
| Phẫu thuật                                                                                                                                            | Mỗi đợt<br>điều trị | Theo chi phí y tế |           |           |           |
| Điều trị trước nhập viện<br>(tối đa 30 ngày trước khi nhập<br>viện; 02 lần khám/Đợt điều trị)                                                         | Mỗi đợt<br>điều trị | Theo chi phí y tế |           |           |           |
| Điều trị sau xuất viện<br>(tối đa 60 ngày sau khi<br>xuất viện)                                                                                       |                     |                   |           |           |           |
| Chi phí y tế nội trú khác                                                                                                                             | Mỗi đợt<br>điều trị | Theo chi phí y tế |           |           |           |
| Chăm sóc y tế tại nhà<br>(tối đa 30 ngày/ năm)                                                                                                        | Mỗi ngày            | 150.000           | 250.000   | 500.000   | 1.000.000 |

NĐBH: Người được bảo hiểm | STBH: Số tiền bảo hiểm | BHSK: Bảo hiểm sức khỏe

Đơn vị tính: VNĐ

|                                                           |                                             |                      |                        |  |  |
|-----------------------------------------------------------|---------------------------------------------|----------------------|------------------------|--|--|
| Ghép tạng<br>(tim, phổi, gan,<br>tụy, thận, tủy<br>xương) | Cho người<br>được ghép tạng<br>(NĐBH)       | Mỗi lần<br>ghép tạng | Theo chi phí y tế      |  |  |
|                                                           | Cho người<br>hiến tạng<br>(không phải NĐBH) |                      | 50% chi phí phẫu thuật |  |  |

> QUYỀN LỢI ĐIỀU TRỊ UNG THƯ

CƠ BẢN

NÂNG CAO

TOÀN DIỆN

HOÀN HẢO

|                  |                     |                   |  |  |
|------------------|---------------------|-------------------|--|--|
| Điều trị ung thư | Mỗi lần<br>điều trị | Theo chi phí y tế |  |  |
|------------------|---------------------|-------------------|--|--|

> QUYỀN LỢI ĐIỀU TRỊ TRONG NGÀY

| Phẫu thuật, thủ thuật trong ngày                                                                             | Mỗi Năm hợp đồng | Theo chi phí y tế |           |            |            |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-------------------|-----------|------------|------------|
| Điều trị trong ngày cho:<br>Viêm phế quản; Sốt xuất huyết;<br>Cúm; Viêm phổi<br>(tối đa 3 lần điều trị/ năm) | Mỗi lần điều trị | 1.500.000         | 2.500.000 | 5.000.000  | 10.000.000 |
| Lọc máu                                                                                                      | Mỗi Năm hợp đồng | 5.000.000         | 7.000.000 | 10.000.000 | 50.000.000 |

> QUYỀN LỢI ĐIỀU TRỊ GIẢM NHẸ

|                   |                                                    |               |  |  |            |            |
|-------------------|----------------------------------------------------|---------------|--|--|------------|------------|
| Điều trị giảm nhẹ | Trong suốt<br>thời gian<br>có hiệu lực<br>của BHSK | Không áp dụng |  |  | 25.000.000 | 50.000.000 |
|-------------------|----------------------------------------------------|---------------|--|--|------------|------------|

> QUYỀN LỢI CẤP CỨU

|                                            |                    |           |           |            |                      |  |
|--------------------------------------------|--------------------|-----------|-----------|------------|----------------------|--|
| Điều trị Cấp cứu<br>do Tai nạn hoặc Bệnh   | Mỗi lần<br>cấp cứu | 3.000.000 | 6.000.000 | 10.000.000 | Theo chi phí<br>y tế |  |
| Vận chuyển Cấp cứu<br>do Tai nạn hoặc Bệnh | Mỗi lần<br>cấp cứu | 1.500.000 | 3.000.000 | 5.000.000  | Theo chi phí<br>y tế |  |

NĐBH: Người được bảo hiểm | STBH: Số tiền bảo hiểm

Đơn vị tính: VNĐ

QUYỀN LỢI SẢN PHẨM

Đồng hành sống khỏe

> QUYỀN LỢI THAI SẢN

(Áp dụng trong khoảng thời gian NĐBH từ 18 tuổi đến 45 tuổi và chỉ áp dụng tại Việt Nam)

|                    | CƠ BẢN        | NÂNG CAO      | TOÀN DIỆN                                                                                                                                                                                | HOÀN HẢO   |
|--------------------|---------------|---------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| STBH/ năm hợp đồng | Không áp dụng | Không áp dụng | 25.000.000                                                                                                                                                                               | 40.000.000 |
| Mức chi trả        | Không áp dụng | Không áp dụng | Tỷ lệ chi trả theo chi phí y tế: <ul style="list-style-type: none"><li>Năm hợp đồng đầu tiên: 50%,</li><li>Năm hợp đồng thứ 2: 80%,</li><li>Từ Năm hợp đồng thứ 3 trở đi: 100%</li></ul> |            |

|                                                        |                  |               |               |                   |                   |
|--------------------------------------------------------|------------------|---------------|---------------|-------------------|-------------------|
| Khám thai<br>(tối đa 8 lần/ năm)                       | Mỗi lần khám     | Không áp dụng | Không áp dụng | 1.000.000         | 3.000.000         |
| Phòng và Giường<br>(tối đa 100 ngày/ năm)              | Mỗi ngày         | Không áp dụng | Không áp dụng | 3.000.000         | 5.500.000         |
| Phòng Chăm sóc đặc biệt (ICU)<br>(tối đa 30 ngày/ năm) | Mỗi năm hợp đồng | Không áp dụng | Không áp dụng | Theo chi phí y tế | Theo chi phí y tế |
| Sinh thường hoặc sinh mổ theo chỉ định của Bác sĩ      | Mỗi năm hợp đồng | Không áp dụng | Không áp dụng | Theo chi phí y tế | Theo chi phí y tế |
| Biến chứng thai sản                                    | Mỗi năm hợp đồng | Không áp dụng | Không áp dụng | Theo chi phí y tế | Theo chi phí y tế |
| Chăm sóc trẻ sơ sinh<br>(tối đa 7 ngày sau khi sinh)   | Mỗi năm hợp đồng | Không áp dụng | Không áp dụng | Theo chi phí y tế | Theo chi phí y tế |



NĐBH: Người được bảo hiểm | STBH: Số tiền bảo hiểm

Đơn vị tính: VNĐ

### > QUYỀN LỢI THƯỜNG SỐNG KHỎE VITALITY

Mỗi 3 năm vào Ngày kỷ niệm hợp đồng kể từ Ngày có hiệu lực hoặc ngày thay đổi Chương trình bảo hiểm, Khách hàng sẽ nhận **Quyền lợi thưởng sống khỏe Vitality**.

Thưởng sống khỏe  
Vitality

=

Tỷ lệ thưởng tại  
năm hợp đồng hiện tại

x

Trung bình phí bảo hiểm đã đóng  
cho 03 năm hợp đồng trước đó



### Tỷ lệ thưởng sống khỏe Vitality:

Tỷ lệ thưởng sống khỏe Vitality sẽ không thấp hơn 0% và không vượt quá 60% trong mọi trường hợp.

Tỷ lệ thưởng của Năm hợp đồng đầu tiên là 15% và sẽ thay đổi tăng hoặc giảm hàng năm như sau:

|                                                  | Mất hiệu lực của Bảo Hiểm Sức Khỏe và/hoặc tạm thời mất tư cách thành viên AIA Vitality | Hạng thành viên AIA Vitality |       |      |          |
|--------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|-------|------|----------|
|                                                  |                                                                                         | Đồng                         | Bạc   | Vàng | Bạch Kim |
| Mức thay đổi của Tỷ lệ thưởng sống khỏe Vitality | -5%                                                                                     | -5%                          | -2,5% | +5%  | +10%     |

Điều kiện:

1. NĐBH lựa chọn tham gia Bảo hiểm Sức khỏe Trọn Đời có quyền lợi thưởng sống khỏe Vitality.
2. Quyền lợi thưởng sống khỏe Vitality chỉ được xem xét khi tư cách thành viên còn hiệu lực tại thời điểm xét thưởng.
3. Khách hàng duy trì đóng đủ Phí bảo hiểm của Bảo hiểm Sức khỏe Trọn Đời trước mỗi thời xét thưởng.

NĐBH: Người được bảo hiểm

QUYỀN LỢI SẢN PHẨM

Quyền lợi bổ sung

Khách hàng có thể lựa chọn tham gia thêm Quyền lợi Điều trị ngoại trú và/hoặc Quyền lợi Chăm sóc nha khoa theo quy định của Công ty tại từng thời điểm.

> QUYỀN LỢI ĐIỀU TRỊ NGOẠI TRÚ

|                                                                                                                                                                                                | CƠ BẢN                                | NÂNG CAO      | TOÀN DIỆN  | HOÀN HẢO   |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------|------------|------------|
| STBH/ năm hợp đồng                                                                                                                                                                             | 6.000.000                             | 12.000.000    | 24.000.000 | 48.000.000 |
| Phạm vi địa lý                                                                                                                                                                                 | Việt Nam                              |               |            |            |
| Mức chi trả                                                                                                                                                                                    | AIA Việt Nam chi trả 80% chi phí y tế |               |            |            |
| <div><div><ul style="list-style-type: none"><li>Khám bệnh</li><li>Xét nghiệm và chẩn đoán hình ảnh</li><li>Thuốc theo toa</li><li>Vật lý trị liệu</li></ul></div><div>Mỗi lần khám</div></div> | 600.000                               | 1.200.000     | 2.400.000  | 4.800.000  |
| <div><div>Tư vấn/ Điều trị sức khỏe tâm thần</div><div>Mỗi Năm hợp đồng</div></div>                                                                                                            | Không áp dụng                         | Không áp dụng | 2.000.000  | 4.000.000  |

> QUYỀN LỢI NHA KHOA

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | CƠ BẢN                                | NÂNG CAO  | TOÀN DIỆN | HOÀN HẢO   |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|-----------|-----------|------------|
| STBH/ năm hợp đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1.000.000                             | 2.000.000 | 5.000.000 | 10.000.000 |
| Phạm vi địa lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Việt Nam                              |           |           |            |
| <div><div><ul style="list-style-type: none"><li>Phí khám, tư vấn, xét nghiệm và chẩn đoán</li><li>Chẩn đoán hình ảnh theo chỉ định (X-quang)</li><li>Cạo vôi răng (tối đa 2 lần/ năm)</li><li>Viêm nướu, viêm nha chu,</li><li>Trám răng (amalgam, composite, gic hoặc các vật liệu tương tự khác)</li><li>Nhổ răng, điều trị tủy răng,</li><li>Cắt u mô cứng của răng, cắt cuống răng</li><li>Bọc răng (loại trừ implant, cầu răng)</li></ul></div><div>Mỗi Năm hợp đồng</div></div> | AIA Việt Nam chi trả 80% chi phí y tế |           |           |            |

STBH: Số tiền bảo hiểm | Đơn vị tính: VNĐ

# AIA Vitality LÀ GÌ?

AIA Vitality là chương trình sống khỏe được phát triển dựa trên các nghiên cứu khoa học được kiểm nghiệm thực tế trong việc giúp Khách hàng sống Khỏe hơn, Lâu hơn, Hạnh phúc hơn. Thông qua việc hiểu rõ sức khỏe bản thân và thay đổi lối sống, AIA Vitality giúp các thành viên cải thiện sức khỏe một cách hiệu quả và toàn diện.

Tìm hiểu thêm



## CÁCH THỨC HOẠT ĐỘNG

# AIA Vitality



Hiểu rõ tình trạng sức khỏe hiện tại thông qua các công cụ hỗ trợ và khám phá Tuổi sức khỏe Vitality.



Trải nghiệm giải pháp chăm sóc và cải thiện sức khỏe toàn diện mang tính cá nhân hóa dựa vào mức độ tương tác.

HIỂU RÕ SỨC KHỎE

CẢI THIỆN SỨC KHỎE

PHẦN THƯỞNG & ƯU ĐÃI



Hạng Thành viên càng cao, quyền lợi và giá trị phần thưởng càng lớn

### HẠNG THÀNH VIÊN AIA VITALITY



ĐỒNG

0 - 9.999 điểm



BẠC

10.000 - 19.999 điểm



VÀNG

20.000 - 29.999 điểm



BẠCH KIM

30.000 điểm

DỊCH VỤ

# SONG HÀNH Y TẾ

BỀN TRÍ LỰC - VỮNG ĐỒNG HÀNH

## ĐÁNH GIÁ CHẨN ĐOÁN

- 1 Kiểm tra chẩn đoán và xác định kế hoạch điều trị



## KHUYẾN NGHỊ PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRỊ THÍCH HỢP

- 2 Khuyến nghị bác sĩ phù hợp cho quá trình điều trị



## AN TÂM

- 3 Giải đáp mọi thắc mắc trong quá trình điều trị



## HỖ TRỢ LIÊN TỤC

- 4 Cung cấp hỗ trợ không giới hạn về thời gian



**Teladoc**  
HEALTH

Teladoc Health là công ty hàng đầu trên thế giới về lĩnh vực chăm sóc sức khỏe trực tuyến với hơn 20 năm kinh nghiệm và phục vụ hàng triệu Khách hàng Châu Á và trên toàn cầu

Tìm hiểu thêm



# MẠNG LƯỚI TOÀN CẦU\*

MANG ĐẾN BẠN DỊCH VỤ  
MANG TẦM QUỐC TẾ

Khách hàng có thể tiếp cận với mạng lưới hơn  
125 bệnh viện hàng đầu ở châu Á và hơn  
10.000 cơ sở y tế trên toàn cầu.

CHÂU MỸ\*\*

CHÂU ÂU

CHÂU Á

CHÂU ÚC

Tìm hiểu thêm



(\*) Áp dụng cho Chương trình Toàn Diện  
và Chương trình Hoàn Hảo

(\*\*) Ngoại trừ Liên Bang Hoa Kỳ



Cả gia đình anh A tham gia  
**Bảo hiểm Sức khỏe Trọn Đời –  
Chương trình Nâng Cao**  
(Toàn cầu trừ Hoa Kỳ).

Lựa chọn thêm **quyền lợi điều trị  
Ngoại Trú.**

2 tháng sau khi tham gia,  
Bé C bị viêm phế quản, cần vào bệnh  
viện thực hiện khí dung  
và về trong ngày.

**Chi phí điều trị trong ngày  
được bồi hoàn đầy đủ.**

**2,5 TRIỆU**

3 tháng sau, Anh A bị viêm ruột thừa,  
phải nằm viện phẫu thuật cắt ruột  
thừa trong 5 ngày.  
Giường phòng 3 triệu/ ngày.

**Toàn bộ chi phí nằm viện và  
phẫu thuật được chi trả.**

**40 TRIỆU**

Vài tuần sau, bé C bị rối loạn  
tiêu hóa, nhập viện điều trị trong  
5 ngày tại bệnh viện tư gần nhà.

**Toàn bộ chi phí điều trị và giường  
cho người thân (Mẹ chăm sóc bé C  
tại bệnh viện) được chi trả đầy đủ.**

**15 TRIỆU**

**Quyền lợi chính  
350.000.000 VNĐ/  
Người/ Năm**

**Quyền lợi điều trị Ngoại trú  
12.000.000 VNĐ/  
Người/ Năm**

Chị B phát hiện  
u trực tràng ác tính, cần phẫu thuật để  
cắt bỏ, và lưu viện điều trị sau phẫu  
thuật 20 ngày.

**Toàn bộ phí phẫu thuật và điều trị  
nội trú được chi trả.**

**300 TRIỆU**

Chị B cần thực hiện 2 lần xạ trị tại  
Bệnh Viện Ung Bướu để tiêu diệt tế  
bào ung thư còn sót lại

**Với quyền lợi Nhân đôi bảo vệ tại  
bệnh viện công, chị B được chi trả  
đầy đủ chi phí điều trị ung thư.**

**200 TRIỆU**

|                   | Tuổi    | Phí bảo hiểm |
|-------------------|---------|--------------|
| Anh A             | 35 tuổi | 7.764.000    |
| Chị B             | 30 tuổi | 6.866.000    |
| Bé C              | 5 tuổi  | 6.813.000    |
| Tổng Phí bảo hiểm |         | 21.443.000   |

Cả gia đình đều sử dụng Bảo hiểm y  
tế khi nằm viện, thành viên được nhận  
khoản hỗ trợ **250 ngàn/ngày**  
**cho mỗi ngày nằm viện.**

**Được hỗ trợ viện phí cho  
tổng cộng 30 ngày nằm viện  
của cả gia đình:**

**7,5 TRIỆU**

Sau 1 năm gia đình tham gia  
Bảo Hiểm Sức Khỏe Trọn Đời:

**Tổng phí đóng cả gia đình:  
21,4 TRIỆU**

**Tổng quyền lợi nhận được:  
565 TRIỆU**

**GẤP HƠN 26 LẦN  
TỔNG PHÍ ĐÓNG**



Chị D mua **Bảo Hiểm Sức Khỏe Trọn Đời** cho bản thân và cho mẹ 68 tuổi – Bà H.

**Chương trình Toàn Diện** (Việt Nam)

3 năm sau khi tham gia, chị D mang thai con gái đầu lòng và sinh con tại bệnh viện Từ Dũ.

**Bảo Hiểm Sức Khỏe Trọn Đời** chi trả đầy đủ chi phí khám thai hàng tháng và sinh thường tại bệnh viện.

**20 TRIỆU**

Con gái của chị D được chăm sóc trong 7 ngày sau khi sinh

**5 TRIỆU**

Bà H mắc chứng thoái hóa khớp gối nặng và được chỉ định phẫu thuật thay khớp gối.

**Chi trả toàn bộ chi phí điều trị và phẫu thuật tại bệnh viện.**

**150 TRIỆU**

Bà H được chăm sóc y tế tại nhà trong vòng 20 ngày sau cuộc phẫu thuật

**Toàn bộ chi phí 500 ngàn/ngày được chi trả, tổng cộng**

**10 TRIỆU**

**Quyền lợi chính**  
**700.000.000 VNĐ/**  
**Người/ Năm**

5 năm sau, bà H được chẩn đoán mắc ung thư xương di căn.

Trong 3 năm hóa trị, mỗi năm gia đình chỉ cần đồng chi trả tối đa 60 triệu đồng cho chi phí khám và điều trị ung thư, sau đó **AIA chi trả 100% theo chi phí y tế**

**200 TRIỆU/ NĂM**

Do bệnh diễn biến nặng, bà H được chuyển sang khoa chăm sóc và điều trị giảm nhẹ tại bệnh viện.

**Toàn bộ chi phí điều trị giảm nhẹ được chi trả**

**25 TRIỆU**

|                   | Tuổi    | Phí bảo hiểm      |
|-------------------|---------|-------------------|
| Chị D             | 38 tuổi | 6.722.000         |
| Bà H              | 68 tuổi | 17.994.000        |
| Tổng Phí bảo hiểm |         | <b>24.716.000</b> |

Sau 8 năm chị D và bà H tham gia Bảo Hiểm Sức Khỏe Trọn Đời:

**Tổng phí đóng:**  
**217,7 TRIỆU**

**Tổng quyền lợi nhận được:**  
**810 TRIỆU**

**GẤP GẦN 4 LẦN**  
**TỔNG PHÍ ĐÓNG**

Đơn vị tính: Đồng

## AI CÓ THỂ THAM GIA?

- **Tuổi tham gia:** 30 ngày tuổi đến 70 tuổi
- **Tuổi tham gia Chương trình AIA Vitality:** Từ 18 tuổi trở lên
- **Tuổi tái tục tối đa:** 99 tuổi
- **Thời hạn hợp đồng:** 1 năm và tái tục hàng năm
- **Thời hạn đóng phí:** Bằng Thời hạn bảo hiểm
- **Định kỳ đóng phí bảo hiểm:** Theo định kỳ đóng phí của sản phẩm Bảo hiểm nhân thọ

## THỜI GIAN CHỜ CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM SỨC KHỎE TRỌN ĐỜI

- **90 ngày** cho nhóm Bệnh đặc biệt, Điều trị giảm nhẹ, bệnh ung thư, Ghép tạng và Biến chứng thai sản;
- **270 ngày** cho các Quyền lợi thai sản khác;
- **30 ngày** cho các Bệnh khác;
- **Thời gian chờ không áp dụng cho Tai nạn.**

## DANH SÁCH BỆNH ĐẶC BIỆT

- U, bướu, nang, u nang, polyp; thoát vị;
- Đục thủy tinh thể; tăng nhãn áp; mộng thị;
- Bệnh vòm khẩu cái, amidan; bệnh của xoang, xoang mũi, vách ngăn mũi, cuống mũi;
- Lao phổi, hen suyễn;
- Loét dạ dày, loét tá tràng; bệnh trĩ; rò hậu môn;
- Bệnh tuyến giáp; tiểu đường;
- Các bệnh tim mạch (bao gồm cả tăng huyết áp);
- Sỏi mật, sỏi thận, sỏi đường tiết niệu hoặc bàng quang;

- Phì đại tuyến tiền liệt, u xơ tử cung, lạc nội mạc tử cung, u nang buồng trứng, sa tử cung, cắt tử cung;
- Thoát vị đĩa đệm; thoái hóa đốt sống, thoái hóa khớp, bệnh Gout;
- Tổn thương dây chằng, sụn chêm khớp gối;
- Giãn tĩnh mạch.

## NHỮNG TRƯỜNG HỢP LOẠI TRỪ BẢO HIỂM

Công ty sẽ không chi trả quyền lợi bảo hiểm cho việc khám và điều trị phát sinh từ, liên quan đến hay là hậu quả của các trường hợp sau:

- a. Bệnh có sẵn, ngoại trừ bệnh có sẵn đã được khai báo khi tham gia bảo hiểm và được chấp thuận bởi Công ty; hoặc
- b. Bệnh bẩm sinh, dị tật bẩm sinh; hoặc
- c. Điều trị thử nghiệm hoặc các loại điều trị/ xét nghiệm/ trị liệu/ thuốc mới chưa được Chính phủ, các cơ quan hữu quan và hiệp hội y tế được công nhận tại Việt Nam hoặc quốc tế công nhận và phê duyệt; hoặc
- d. Hành động cố ý gây thương tích cho bản thân trong trạng thái tinh thần mất trí hoặc các thương tích phát sinh từ hành động của NĐBH trong tình trạng bị ảnh hưởng bởi rượu, bia, chất ma túy. Việc bị ảnh hưởng bởi rượu, bia, chất ma túy được hiểu là trong trường hợp NĐBH có xét nghiệm dương tính với chất ma túy và/hoặc có xét nghiệm nồng độ cồn vượt quá trị số bình thường hoặc mức cho phép theo hướng dẫn của Bộ Y tế tại thời điểm xảy ra Thương tích; hoặc
- e. Thương tích phát sinh do NĐBH có hành vi tham gia điều khiển phương tiện giao thông mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức trị số bình thường theo quy định của Bộ Y tế, hoặc điều khiển phương tiện giao thông đường bộ vượt quá tốc độ quy định từ 5 km/h; hoặc có hành vi vi phạm quy định pháp luật của Luật giao thông đường bộ khác bao gồm đua xe trái phép, điều khiển phương tiện tham gia giao thông đi vào đường cấm hoặc đi vào đường ngược chiều hoặc lùi xe trái quy định; hoặc
- f. Hành vi phạm tội (theo kết luận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền) của Người được bảo hiểm theo quy định tại Bộ luật hình sự; hay hành vi phạm tội xảy ra ngoài Việt Nam theo quy định pháp luật của nước liên quan; hoặc

- g. Các biện pháp và biện chứng thai sản liên quan đến kế hoạch hóa gia đình, phá thai không có nguyên nhân bệnh lý, điều trị vô sinh, điều trị thụ tinh trong ống nghiệm, mang thai hộ; hoặc
- h. Thăm khám, điều trị liên quan đến thai sản, sinh đẻ (bao gồm Sinh thường hoặc Sinh mổ), các biến chứng thai sản không được đề cập ở mục g, trừ trường hợp được bảo hiểm theo Quyền lợi Thai sản; hoặc
- i. Điều trị hoặc phòng ngừa nhằm làm giảm các triệu chứng liên quan đến lão hóa, mãn kinh, tiền mãn kinh, điều trị các rối loạn chức năng sinh dục/tình dục; hoặc
- j. Chăm sóc hoặc điều trị nha khoa bao gồm cả Điều trị nội trú và Điều trị ngoại trú trừ trường hợp điều trị cấp cứu nội trú nha khoa do tai nạn đối với răng không có bệnh lý trong vòng 24h sau khi xảy ra tai nạn và/hoặc các trường hợp điều trị nha khoa được bảo hiểm khi NĐBH tham gia Quyền lợi chăm sóc nha khoa; hoặc
- k. Các tật khúc xạ của mắt ví dụ như cận thị, viễn thị, loạn thị, lão thị (bao gồm cả dụng cụ trực quan, LASIK), rối loạn điều tiết, mỏi mắt điều tiết, khô mắt, đục thủy tinh thể do lão hóa, bất kỳ phẫu thuật nào để hiệu chỉnh các khuyết tật thoái hóa thính giác và thị giác, máy trợ thính; rụng tóc, tóc giả; các bộ phận giả, thiết bị y tế được sử dụng bên ngoài cơ thể; hoặc
- l. Điều trị bệnh tâm thần, rối loạn tâm thần/thần kinh, trầm cảm, rối loạn nhân cách, rối loạn nhận thức, trừ các trường hợp bệnh tâm thần được bảo hiểm khi NĐBH tham gia Quyền lợi điều trị ngoại trú của Chương trình Toàn diện hoặc Chương trình Hoàn hảo; hoặc
- m. Phẫu thuật thẩm mỹ, thủ thuật thẩm mỹ, chuyển đổi giới tính, phẫu thuật tạo hình, phẫu thuật chỉnh hình, trừ khi thương tích xảy ra do tai nạn và phẫu thuật tạo hình, phẫu thuật chỉnh hình là cần thiết để khôi phục lại chức năng của NĐBH; hoặc
- n. Khám sức khỏe định kỳ hàng năm hoặc kiểm tra sức khỏe, tiêm chủng cho mục đích phòng ngừa bệnh ngoại trừ vắc xin đại do súc vật cắn, vắc xin uốn ván trong trường hợp Tai nạn cần tiêm ngừa theo chỉ định của Bác sĩ; hoặc
- o. Thực phẩm chức năng, thuốc cho mục đích làm đẹp, mỹ phẩm, khoáng chất, dinh dưỡng bổ sung; hoặc

- p. Chấn thương phát sinh từ việc tập luyện, tham gia thể thao chuyên nghiệp, thể thao mạo hiểm, bao gồm: nhảy bungee, nhảy dù, dù lượn, điều bay, leo núi, săn bắn, đua xe (bao gồm cả ô tô và ngựa), mô tô nước trên biển, xe đạp địa hình, lặn biển, đấm bốc, đấu vật và các hoạt động thể thao mạo hiểm khác theo danh mục được pháp luật quy định tại từng thời điểm; hoặc
- q. Điều trị liên quan đến chứng khó thở khi ngủ bao gồm ngủ ngáy và ngưng thở khi ngủ, hội chứng căng thẳng (stress) hoặc các điều trị liên quan khác; hoặc
- r. Điều trị giảm cân hoặc tăng cân, chương trình kiểm soát cân nặng hoặc phẫu thuật giảm béo; hoặc
- s. Điều trị các Thương tích phát sinh khi NĐBH phục vụ với tư cách là một người lính, cảnh sát tham gia chiến đấu hoặc trấn áp tội phạm; hoặc
- t. Điều trị các thương tích phát sinh khi NĐBH di chuyển lên, xuống hoặc đang trong quá trình tham gia các chuyến bay không có cấp phép chuyên chở hành khách hoặc không đăng ký hoạt động như một máy bay thương mại; hoặc
- u. Các phương pháp điều trị không phải tây y như y học cổ truyền trừ khi các phương pháp điều trị này là một phần cần thiết của việc Điều trị nội trú theo chỉ định của Bác sĩ tại Khoa y học cổ truyền tại Cơ sở y tế; hoặc
- v. Bất kỳ phương pháp điều trị, xét nghiệm, cận lâm sàng, chẩn đoán hình ảnh, thuốc hoặc vật tư y tế nào không liên quan đến chẩn đoán; và/hoặc chẩn đoán không liên quan đến chấn thương hoặc bệnh tật; các chi phí không phục vụ trực tiếp cho mục đích khám, điều trị Bệnh; hoặc
- w. Khủng bố, chiến tranh (cho dù có tuyên chiến hay không), các hành động gây chiến, hành động xâm lược, các hành động của nước thù địch, nội chiến, khởi nghĩa, cách mạng, nổi loạn, đảo chính quân sự hoặc tiếm quyền; hoặc
- x. Việc sử dụng thuốc hoặc sử dụng bất kỳ loại chất gây nghiện, ma túy mà không có chỉ định của Bác sĩ; hoặc
- y. HIV/AIDS, các bệnh lây truyền qua đường tình dục bao gồm Sùi mào gà, Mụn cóc sinh dục (mụn cơm hoa liễu), Lậu, Giang mai, Herpes sinh dục; Nhiễm ký sinh trùng Trichomonas, Bệnh hạ cam, Nhiễm khuẩn Chlamydia; hoặc
- z. Hành vi gian lận bảo hiểm.